

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9-VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2025/DS-ST**

Ngày: 21-7-2025.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Vũ

Ông Trịnh Xuân Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Sĩ – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long.

Ngày 21 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 92/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2025 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 50/TB-TA ngày 07/7/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kh, sinh năm: 1985. Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (nay là ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long).

Chị Kh ủy quyền cho bà Đào Hồng V, sinh năm: 1966. Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (nay là ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

2. Bị đơn: Ông Dương Văn U, sinh năm: 1969, bà Nguyễn Thị U1, sinh năm: 1969. Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (nay là ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long).

(Bà V có đơn xin xét xử vắng mặt, ông U, bà U1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án đại diện nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 27/01/2018 ông Dương Văn U và bà Nguyễn Thị U1 có vay của chị Nguyễn Thị Kh số tiền 85.000.000 đồng. Khi vay ông U và bà U1 có hứa hẹn đến cuối tháng 12/2018 trả cho chị Kh 10.000.000 đồng, số tiền còn lại 75.000.000 đồng đến đầu tháng 5 năm 2019 ông U và bà U1 trả đủ số tiền trên, lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,5%/tháng. Trong thời gian vay, ông U, bà U1 có đóng lãi đến tháng 12 năm 2018 thì không đóng lãi và cũng không trả vốn như đã cam kết. Chị Kh có

nhiều lần yêu cầu ông U, bà U1 trả lãi và vốn nhưng ông, bà cứ hứa hẹn mà không thực hiện. Việc này làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị Kh.

Nay yêu cầu Tòa án buộc ông Dương Văn U và bà Nguyễn Thị U1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc là 85.000.000 đồng (Tám mươi lăm triệu đồng). Đồng thời yêu cầu tính lãi từ ngày 27/01/2019 đến ngày 27/02/2025 là: 74 tháng 03 ngày x 85.000.000 đồng x 0.83%/tháng = 52.278.000 đồng. Tổng số tiền vốn và tiền lãi yêu cầu ông U và bà U1 có nghĩa vụ liên đới trả là: 137.278.000 đồng (Một trăm ba mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn đồng). Đồng thời yêu cầu tính tiền lãi phát sinh từ ngày 28/02/2025 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án với lãi suất là 0.83%/tháng.

Ngày 06/6/2025 đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Dương Văn U và bà Nguyễn Thị U1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Vĩnh Long.

1.2 Bị đơn có nơi cư trú tại xã A, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (nay là xã A, tỉnh Vĩnh Long). Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Vĩnh Long thụ lý đúng thẩm quyền.

1.3 Quá trình giải quyết vụ án, Đại diện nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các bên đương sự.

[2] Về nội dung:

2.1 Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay là 85.000.000 đồng (Tám mươi lăm triệu đồng). Đồng thời yêu cầu tính lãi từ ngày 27/01/2019 đến ngày giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 0.83%/tháng. Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là bản chính giấy mượn tiền ghi ngày 27/01/2018.

2.2 Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải cho bị đơn ông U, bà U1 đến để tham gia phiên công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, ông U, bà U1 không có mặt nên không thể tiến hành hòa giải được. Ngoài ra, Tòa án đã triệu tập họp lệ ông Dương Văn U và bà Nguyễn Thị U1 đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng ông, bà vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được, cần buộc ông Dương Văn U và bà Nguyễn Thị U1 có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Kh số tiền còn thiếu là 85.000.000 đồng (Tám mươi lăm triệu đồng) là có cơ sở.

2.4 Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Giấy mượn tiền ghi ngày 27/01/2018 các bên không ghi có thỏa thuận lãi suất nhưng đến hạn trả tiền bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên nguyên đơn có quyền được yêu cầu trả tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả của bị đơn. Nguyên đơn yêu cầu trả lãi suất tính từ ngày 27/01/2019 (tính từ thời điểm bị đơn có nghĩa vụ trả nợ) đến khi xét xử với mức lãi suất là 0,83%/tháng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn (không vượt quá 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng). Yêu cầu của nguyên đơn về lãi suất là 0,83%/tháng là không vượt quá mức lãi suất quy định. Do đó, số tiền lãi của số tiền chậm trả được xác định như sau:

Từ ngày 27/01/2019 đến khi xét xử ngày 21/7/2025: Số tiền 85.000.000 đồng x 0,83% x 80 tháng 24 ngày = 57.004.000 đồng.

Từ những phân tích trên, cần buộc ông U, bà U1 có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Kh tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 21/7/2025 là: 142.004.000 đồng là phù hợp.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự có nghĩa vụ nộp theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 357, 440, 463, 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kh đối với ông Dương Văn U và bà Nguyễn Thị U1.

Buộc ông Dương Văn U và bà Nguyễn Thị U1 có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Kh số tiền là 142.004.000 (Một trăm bốn mươi hai triệu không trăm lẻ bốn nghìn) đồng.

Kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm là 7.100.200 (Bảy triệu một trăm nghìn hai trăm) đồng, ông Dương Văn U và bà Nguyễn Thị U1 có nghĩa vụ liên đới nộp. Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Kh số tiền 3.432.000 (Ba triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn) đồng theo biên lai số 0008799 ngày 06/3/2025.

3. Dương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long.
- TAND tỉnh Vĩnh Long.
- THADS tỉnh Vĩnh Long.
- Phòng THADS khu vực 9 – Vĩnh Long.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Minh Trí